

MÔN: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	54232320005	Nguyễn Thị Thúy	An	26/10/1993	02BK16B1	10,0	9,0	9,3		8,5	8,8	Đạt
2	54222320033	Lê Đình	Ân	13/02/1996	02BK16B1	9,0	7,5	8,0		8,5	8,3	Đạt
3	54222310024	Võ Ngọc Thiên	Bảo	30/11/2007	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
4	54212310008	Trần Phúc	Cang	12/05/1995	01BK16B1	10,0	9,5	9,7		8,0	8,7	Đạt
5	54222320053	Nguyễn Bá	Cương	02/11/1989	02BK16B1	7,0	7,5	7,3		8,5	8,0	Đạt
6	54212320013	Trần Minh	Chiến	22/12/1996	01BK16B1	10,0	9,0	9,3		7,0	7,9	Đạt
7	54222320046	Nguyễn Thế	Chiến	28/02/1993	02BK16B1	8,5	7,0	7,5		7,0	7,2	Đạt
8	54222320020	Trần Văn	Dân	11/12/1997	02BK16B1	6,0	7,5	7,0		8,5	7,9	Đạt
9	54222320027	Mai Thị	Dung	05/03/1998	02BK16A1	9,0	8,0	8,3		8,0	8,1	Đạt
10	54212320001	Đặng Nguyễn Hoàng	Dung	14/03/2003	01BK16B1	8,0	8,0	8,0		6,0	6,8	Đạt
11	54222310004	Phạm Thị Phương	Dung	24/04/2000	02BK16A1	9,5	8,0	8,5		9,0	8,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								6,0				
12	54222320017	Nguyễn Ngọc	Duy	19/05/2002	02BK16A1	9,0	9,0	9,0		8,0	8,4	Đạt
13	54212320003	Trần Bảo Minh	Duy	21/10/2001	01BK16B1	10,0	5,5	7,0		6,5	6,7	Đạt
14	54222320010	Phạm Trường	Duy	18/04/1995	02BK16B1	8,5	8,0	8,2		8,0	8,1	Đạt
15	54222320049	Nguyễn Khánh	Duy	11/12/1999	02BK16B1	8,5	7,0	7,5		9,0	8,4	Đạt
16	54222330024	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/08/1999	02BK16A1	8,0	8,0	8,0			3,2	Thi lại
17	54222320047	Trần Hà Thùy	Dương	31/05/1999	02BK16A1	8,0	8,0	8,0		6,0	6,8	Đạt
18	54222310029	Nguyễn Thị Kim	Đào	22/06/1996	02BK16B1	9,0	8,5	8,7		8,5	8,6	Đạt
19	54222320021	Huỳnh Thuận	Đạt	08/09/2000	02BK16B1	8,5	7,5	7,8		9,0	8,5	Đạt
20	54222320016	Hoàng Thành	Đạt	21/03/2002	02BK16A1	7,0	7,5	7,3		8,5	8,0	Đạt
21	54222310020	Nguyễn Phú	Điền	24/07/2006	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
22	54232330001	Lê Quang	Điệp	17/12/1990	02BK16B1	5,0	7,5	6,7		7,0	6,9	Đạt
23	54222310032	Lê Hữu	Đức	27/11/2004	02BK16B1	6,5	6,5	6,5		6,0	6,2	Đạt
24	54222310011	Võ Tuấn	Hải	18/11/1999	02BK16A1	9,0	7,0	7,7		7,0	7,3	Đạt
25	54222320023	Nguyễn Đạt Hồng	Hạnh	17/03/2004	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								6,0				
26	54232320001	Nguyễn Hoàng	Hảo	13/10/2002	02BK16B1	9,0	10,0	9,7		8,5	9,0	Đạt
27	54222320051	Nguyễn Minh	Hằng	28/04/1998	02BK16A1	8,0	7,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
28	54222310004	Nguyễn Thanh	Hằng	02/05/2006	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
29	54222310001	Nguyễn Kim	Hằng	03/02/1984	02BK16B1	8,5	9,0	8,8		8,0	8,3	Đạt
30	54222320044	Trần Thị Thu	Hằng	29/03/1998	02BK16B1	7,0	8,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
31	54222320042	Nguyễn Minh	Hiếu	17/07/2002	02BK16A1	7,0	8,0	7,7		6,0	6,7	Đạt
32	54222320026	Trần Thị Thanh	Hoà	06/12/2004	02BK16B1	7,0	8,0	7,7		8,5	8,2	Đạt
33	54222310017	Nguyễn Vũ Xuân	Hòa	11/11/2007	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
34	54222320035	Lê Minh	Hoàng	31/10/2001	02BK16A1	9,0	8,0	8,3		8,0	8,1	Đạt
35	54232320012	Nguyễn Thị Thu	Hồng	05/01/1999	02BK16B1	10,0	8,5	9,0		6,5	7,5	Đạt
36	54222310022	Nguyễn Lê	Huân	18/06/2007	02BK16A1	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
37	54222310008	Nguyễn Đăng	Hưng	06/09/1995	02BK16B1	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt
38	54222320054	Đỗ Quốc	Hưng	02/01/1999	02BK16B1	8,5	7,5	7,8			3,1	Thi lại
39	54212310002	Nguyễn Văn Duy	Khang	02/09/2002	01BK16A1	8,5	7,0	7,5		9,0	8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
40	54212310003	Nguyễn Tuấn	Khanh	07/02/2007	01BK16A1	8,5	7,0	7,5		6,5	6,9	Đạt
41	54212310011	Nguyễn Tuấn	Khanh	07/02/2007	01BK16A1	8,5	7,0	7,5		6,5	6,9	Đạt
42	54222310009	Phan Hồ Duy	Khánh	20/03/2001	02BK16A1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
43	54222310005	Huỳnh Chung Tuấn	Khoa	20/06/2006	02BK16A1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
44	54232330001	Nguyễn Minh	Khương	16/08/1999	02BK16B1	7,0	6,0	6,3		8,5	7,6	Đạt
45	3223180020	Nguyễn Thị	Lan	11/01/1985	02BK15B9	10,0	9,0	9,3		7,0	7,9	Đạt
46	54212310009	Trương Nguyễn Yến	Linh	11/09/2006	01BK16A1	8,0	9,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
47	54222320014	Nguyễn Thị Thanh	Loan	14/03/1979	02BK16A1	5,0	5,0	5,0		7,0	6,2	Đạt
48	54222320038	Nguyễn Hoàng	Long	25/06/2000	02BK16B1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt
49	54212320011	Lê Thành	Lộc	20/06/1991	01BK16B1	10,0	9,5	9,7		9,0	9,3	Đạt
50	54212320002	Nguyễn Thành	Luân	26/04/2004	01BK16A1	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt
51	54222310019	Nguyễn Thị	Lương	23/09/2007	02BK16A1	8,0	7,0	7,3		5,0	5,9	Đạt
52	54222320032	Phạm Thị Yến	Ly	21/06/2002	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
53	54222320043	Liu Hy	Minh	09/09/1999	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								6,0				
54	54232320004	Hoàng Thị Nguyệt	Minh	06/04/2002	02BK16B1	10,0	9,5	9,7		8,0	8,7	Đạt
55	54212320012	Trịnh Bảo	Mơ	25/05/2001	01BK16A1	7,5	7,5	7,5		7,0	7,2	Đạt
56	54222320031	Trần Thị Trúc	My	13/11/1999	02BK16B1	8,5	6,5	7,2		8,5	8,0	Đạt
57	54222320024	Bùi Thị Hàn	Ni	11/01/1976	02BK16B1	6,5	5,0	5,5		6,0	5,8	Đạt
58	54232320011	Trần Thị Tuyết	Nga	30/04/1998	02BK16B1	10,0	8,5	9,0		7,0	7,8	Đạt
59	54232320006	Nguyễn Phương	Ngân	02/04/1997	02BK16B1	9,0	7,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
60	54222310013	Nguyễn Hữu	Nghĩa	09/05/2004	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
61	54222320025	Lê Huỳnh	Ngọc	24/07/2001	02BK16B1	9,0	6,5	7,3		9,0	8,3	Đạt
62	54222310031	Lê Thị	Nguyệt	04/05/2004	02BK16A1	7,0	8,0	7,7		5,0	6,1	Đạt
63	54232320009	Lê Thị Như	Nguyệt	14/04/1997	02BK16B1	10,0	9,0	9,3		8,5	8,8	Đạt
64	54222320045	Nguyễn Hùng Tuyết	Nhi	29/03/2002	02BK16A1	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
65	54212320006	Lê Thị Bình	Nhi	30/01/2000	01BK16A1	9,5	8,5	8,8		8,5	8,6	Đạt
66	54222310016	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhung	12/06/2006	02BK16B1	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt
67	54222310025	Thái Quỳnh	Như	21/05/2002	02BK16B1	8,5	8,5	8,5		9,0	8,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
68	54222330020	Lê Thị Bích	Như	22/02/1982	02BK16B1	9,0	9,5	9,3		9,5	9,4	Đạt
69	54222320039	Nguyễn Quỳnh	Như	11/09/2000	02BK16B1	7,5	8,5	8,2		9,5	9,0	Đạt
70	54222310021	Nguyễn Hồ Ngọc	Phong	20/09/1987	02BK16B1	8,5	7,5	7,8		7,0	7,3	Đạt
71	54212310007	Nguyễn Tấn	Phúc	21/11/2007	01BK16A1	8,0	8,5	8,3		6,5	7,2	Đạt
72	54212320014	Nguyễn Lưu	Phùng	10/10/1995	01BK16B1	10,0	5,5	7,0		6,5	6,7	Đạt
73	54222320037	Lý Tuyết	Phụng	29/09/1996	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		7,0	6,9	Đạt
74	54222320030	Hoàng Xuân	Phước	22/10/2001	02BK16A1	9,0	9,0	9,0		8,0	8,4	Đạt
75	54212320007	Lê Hồng	Phương	30/06/1994	01BK16B1	10,0	9,0	9,3		8,5	8,8	Đạt
76	1213180015	Trần Thị Thu	Quỳnh	20/11/1986	01BK14B4	10,0	9,0	9,3		9,0	9,1	Đạt
77	54222310010	Đào Nguyễn Mỹ	Quỳnh	12/10/2007	02BK16A1	7,0	9,0	8,3		7,0	7,5	Đạt
78	54222320022	Nguyễn Vũ Hữu	Tài	27/09/2000	02BK16B1	8,0	8,0	8,0		7,0	7,4	Đạt
79	54222310023	Đỗ Thái	Tài	27/03/2003	02BK16B1	7,5	9,0	8,5		9,0	8,8	Đạt
80	54222310028	Nguyễn Chí	Tâm	25/08/2002	02BK16A1	9,0	9,0	9,0		7,0	7,8	Đạt
81	54222320029	Trần Thanh	Tâm	10/10/1997	02BK16A1	9,0	8,0	8,3		6,0	6,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								6,0				
82	54222320034	Nguyễn Văn	Tân	19/09/2001	02BK16B1	6,5	7,0	6,8		9,0	8,1	Đạt
83	54222310003	Lê Ngọc Mỹ	Tiên	27/07/2005	02BK16A1	9,0	7,0	7,7		6,0	6,7	Đạt
84	54222320041	Nguyễn Thanh	Tòng	19/07/2002	02BK16A1	8,0	7,0	7,3		7,0	7,1	Đạt
85	54212320004	Lê Ngọc Châu	Tuấn	04/07/2002	01BK16B1	7,0	9,5	8,7		7,0	7,7	Đạt
86	54212310010	Nguyễn Thanh	Tuyền	23/05/2006	01BK16A1	8,5	7,5	7,8		9,0	8,5	Đạt
87	54222320005	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	06/01/1998	02BK16A1	7,0	8,0	7,7		5,0	6,1	Đạt
88	54222310007	Dương Hoàng	Thạch	02/07/2004	02BK16A1	7,0	9,0	8,3		5,0	6,3	Đạt
89	54232320007	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	02/11/2000	02BK16B1	9,0	6,5	7,3		7,0	7,1	Đạt
90	54212310006	Đặng Kim	Thoa	21/02/2006	01BK16A1	9,5	7,0	7,8		7,0	7,3	Đạt
91	54222310018	Lê Văn	Thuận	04/09/2004	02BK16B1	5,0	5,0	5,0		5,5	5,3	Đạt
92	54212320010	Trương Thị	Thúy	02/03/1996	01BK16B1	10,0	8,5	9,0		5,0	6,6	Đạt
93	54222310014	Đỗ Như Minh	Thư	25/06/2002	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
94	54222310015	Lê Anh	Thư	04/09/2007	02BK16A1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
95	54222310030	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	16/07/2006	02BK16A1	6,0	8,0	7,3		6,0	6,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm lần 1	Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
96	54232320008	Ngô Huyền	Trang	12/11/1990	02BK16B1	10,0	8,5	9,0		8,0	8,4	Đạt
97	54212320008	Nguyễn Thị Bích	Trâm	14/08/2004	01BK16A1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
98	54222320015	Trần Thị Huyền	Trân	21/12/2003	02BK16A1	7,0	7,0	7,0			2,8	Thi lại
99	54212310005	Đào Minh	Trí	15/07/2006	01BK16A1	5,0	5,0	5,0		5,0	5,0	Đạt
100	54222320009	Phan Bảo	Trung	20/06/1996	02BK16B1	7,0	7,0	7,0		8,5	7,9	Đạt
101	54222320028	Phạm Thành	Trung	15/12/1971	02BK16B1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
102	54222320052	Đào Thị Tú	Uyên	16/11/2003	02BK16B1	7,5	6,5	6,8		8,0	7,5	Đạt
103	54222320050	Nguyễn Viết	Văn	25/03/2001	02BK16B1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
104	54222320048	Võ Đình	Vinh	22/09/1996	02BK16B1	7,5	7,0	7,2		7,5	7,4	Đạt
105	54222310006	Nguyễn Minh	Vương	24/03/2006	02BK16A1	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0	Học lại
106	54222320019	Phan Ngọc Yến	Vy	18/05/2003	02BK16A1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
107	54222320007	Vũ Hải	Yến	06/05/2004	02BK16B1	7,0	6,5	6,7		8,0	7,5	Đạt